Weather
(Thời tiết)

hot /hɑːt/	nóng	thunder /ˈθʌn.dɚ/	sấm sét
cold /koʊld/	lạnh	lightning /ˈlaɪt.nɪŋ/	tia chớp
warm /wɔːrm/	ấm áp	tornado /tɔːrˈneɪ.doʊ/	lốc xoáy
freezing /ˈfriː.zɪŋ/	đóng băng	tsunami /tsuːˈnɑː.mi/	sóng thần
stormy /ˈstɔːr.mi/	(có) bão	storm /ˈstɔːrm/	cơn bão
rainy /ˈreɪ.ni/	(có) mưa	rain /ˈreɪn/	cơn mưa
sunny /ˈsʌn.i/	(có) nắng	sun /ˈsʌn/	mặt trời
cloudy /ˈklaʊ.di/	(có) mây	cloud /ˈklaʊd/	mây
foggy /ˈfɑː.gi/	(có) sương mù	fog /ˈfɑːg/	sương mù
windy /ˈwɪn.di/	(có) gió	wind /ˈwɪnd/	gió
snowy /ˈsnoʊ.i/	(có) tuyết	snow /ˈsnoʊ/	tuyết
** What's the weather like ? = How's the weather ? >> It's (windy).		snowflake /ˈsnoʊ.fleɪk/	bông tuyết
** There's ... / There are ... (Có ...)		hail /heɪl/	mưa đá
** It's a beautiful day, isn't it ? >> Yes, it's (beautiful / great).		rainbow /ˈreɪn.boʊ/	cầu vồng
** It isn't a beautiful day, is it ? >> No, it's not. / >> I know. It is.		beautiful weather /ˈbjuː.ṭə.fəl/ /ˈweđ.ɚ/	thời tiết đẹp
		terrible weather /ˈter.ə.bəl/ /ˈweđ.ɚ/	thời tiết xấu

LIVEWORKSHEETS